

Số: 21 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 06 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao trong Luật Nhà ở số 27/2023/QH15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 94/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 261/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BXD ban hành QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2023/TT-BXD;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao trong Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao trong Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2026.
2. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình được giao trong Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;

b) Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy định chi tiết một số nội dung Luật Nhà ở năm 2023 và Luật Kinh doanh bất động sản 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

c) Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định về địa điểm, vị trí phát triển nhà ở theo dự án, về tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội hoặc bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại đô thị đó hoặc đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Nam Định;

d) Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở trên địa bàn tỉnh Nam Định;

đ) Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quy định điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân trên địa bàn tỉnh Nam Định;

e) Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định quy định các khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê hoặc được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền để cá nhân tự xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ge*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP, Ban, TT;
- Trung tâm Thông tin, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4.

DAH_VP4_QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh
được giao trong Luật Nhà ở số 27/2023/QH15**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2026/QĐ-UBND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao trong Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 *(sau đây viết là Luật Nhà ở năm 2023)*, gồm:

a) Khoản 4 Điều 5 quy định về các địa điểm, vị trí phải phát triển nhà ở theo dự án;

b) Khoản 5 Điều 5 quy định về khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê hoặc được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền để cá nhân tự xây dựng nhà ở;

c) Điểm c khoản 3 Điều 57 quy định về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân;

d) Khoản 3 Điều 83 quy định về tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội hoặc bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại đô thị đó hoặc đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội;

e) Khoản 2 Điều 120 quy định về việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở tại địa phương để bảo đảm thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong hồ sơ nhà ở.

2. Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý, phát triển nhà ở.

3. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nhà ở có từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cơ quan quản lý nhà ở tại địa phương* bao gồm cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh (*Sở Xây dựng*) và cơ quan quản lý nhà ở cấp xã (*Ủy ban nhân dân các xã, phường*).

2. *Đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ* là tuyến đường giao thông để nhà ở có từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê đầu nối vào.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Các địa điểm, vị trí phải phát triển nhà ở theo dự án

1. Đối với khu vực nông thôn tại các vị trí tiếp giáp với các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ, khu trung tâm xã, phường đã có quy hoạch chi tiết được duyệt quy hoạch là đất ở (*không bao gồm đất ở tái định cư, đất ở hiện hữu*) phải phát triển nhà ở theo dự án.

2. Các khu vực khác không thuộc khoản 1 Điều này khuyến khích phát triển nhà ở theo dự án.

Điều 5. Quy định các khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê hoặc được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền để cá nhân tự xây dựng nhà ở

1. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, thuê thuộc các khu vực sau:

a) Mặt tiền các tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh (*bao gồm cả đường gom*);

b) Thuộc khu vực có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, mặt tiền các tuyến đường cấp khu vực trở lên và các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị, khu vực trung tâm và xung quanh các công trình là điểm nhấn kiến trúc trong đô thị được xác định trong đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn;

c) Khuyến khích đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc bán kết hợp cho thuê tại các vị trí khác trong dự án.

2. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hình thức phân lô bán nền để cá nhân tự xây dựng nhà ở tại các khu vực còn lại.

Điều 6. Điều kiện về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ

Đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi xây dựng nhà ở có từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Nhà ở năm 2023 phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Trường hợp công trình nhà ở có chiều cao phòng cháy, chữa cháy không quá 15,0 m thì đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ phải có chiều rộng thông thủy của mặt đường không nhỏ hơn 3,5 m, chiều cao thông thủy để các phương tiện chữa cháy đi qua không nhỏ hơn 4,5 m.

2. Trường hợp công trình nhà ở có chiều cao phòng cháy, chữa cháy lớn hơn 15,0 m thì đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Tuyến đường có thể tận dụng làm bãi đỗ xe chữa cháy đảm bảo chiều rộng thông thủy mặt đường không nhỏ hơn 6,0 m, chiều cao thông thủy để các phương tiện chữa cháy đi qua không được nhỏ hơn 4,5 m;

b) Tuyến đường không thể tận dụng làm bãi đỗ xe chữa cháy thì phải đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời diện tích khu đất xây dựng nhà ở phải đảm bảo bố trí bãi đỗ xe chữa cháy có chiều rộng thông thủy không nhỏ hơn 6,0 m và chiều dài thông thủy không nhỏ hơn 15,0 m (*diện tích bãi đỗ xe có thể bao gồm cả phần mặt đường*);

c) Bãi đỗ xe chữa cháy phải được bố trí ở khoảng không gần hơn 2,0 m và không xa quá 10,0 m tính từ tường mặt ngoài của nhà;

d) Nếu chiều dài của đường cho xe chữa cháy hoặc bãi đỗ xe chữa cháy dạng cụt lớn hơn 46,0 m thì ở cuối đoạn cụt phải có bãi quay xe được thiết kế phù hợp với phương tiện chữa cháy ở địa phương.

3. Đường giao thông cho xe chữa cháy phải có độ dốc không quá 1:8,3. Bãi đỗ xe chữa cháy phải nằm trên bề mặt ngang bằng, nếu nằm trên một mặt nghiêng thì độ dốc không được quá 1:15.

Điều 7. Tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội hoặc bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại đô thị đó hoặc đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội

1. Trường hợp dành một phần diện tích đất ở đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại để xây dựng nhà ở xã hội:

Tại khu vực quy hoạch đô thị loại III, dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại có diện tích từ 20 ha trở lên hoặc quy mô dân số từ 4.000 người trở lên thì chủ đầu tư dự án đó dành tối thiểu 20% tổng diện tích đất ở (*trừ đất ở hiện hữu, đất tái định cư*) trong phạm vi dự án, đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội (*sau đây gọi là quỹ đất nhà ở xã hội*).

2. Trường hợp bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại khi chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định sau:

a) Dự án thuộc trường hợp phải dành quỹ đất nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chủ đầu tư có quỹ đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và có vị trí trong cùng đô thị nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại đó, có diện tích đất ở có giá trị tương đương với giá trị quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có diện tích đất ở tương đương diện tích đất ở đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải dành để xây dựng nhà ở xã hội của dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại đó;

c) Chủ đầu tư có văn bản đề xuất được bố trí quỹ đất quy định tại điểm b khoản này để thay thế quỹ đất nhà ở xã hội quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội

a) Tại khu vực quy hoạch đô thị loại III, Ủy ban nhân dân tỉnh khi chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo thẩm quyền xem xét, quyết định việc không dành quỹ đất ở đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong dự án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này và chấp thuận chủ đầu tư dự án đó thực hiện đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất ở đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải dành để xây dựng nhà ở xã hội.

b) Số tiền mà chủ đầu tư phải nộp thực hiện theo quy định của pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính tại thời điểm đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Số tiền này phải được nộp vào ngân sách địa phương và quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 8. Phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở

1. Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định tại Điều 136 Luật Đất đai năm 2024, khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm phối hợp, cung cấp các hồ sơ, tài liệu có thông tin về nhà ở theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Luật Nhà ở năm 2023 cho cơ quan quản lý nhà ở cùng cấp để thiết lập hồ sơ nhà ở.

a) Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm phối hợp, cung cấp các hồ sơ, tài liệu có thông tin về nhà ở của tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Ninh Bình về Sở Xây dựng để thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong hồ sơ nhà ở.

b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm phối hợp, cung cấp hồ sơ, tài liệu có thông tin về nhà ở của hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên địa bàn quản lý về Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường để thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở được ghi trong hồ sơ nhà ở.

c) Việc lưu trữ, bàn giao và quản lý hồ sơ nhà ở đối với các cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, cấp xã và các tổ chức cá nhân có liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Nhà ở năm 2023 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận nhà ở phải ghi rõ trong Giấy chứng nhận loại nhà ở, cấp nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở năm 2023 và pháp luật về xây dựng; trường hợp nhà ở là căn hộ chung cư thì phải ghi rõ diện tích sàn xây dựng và diện tích sử dụng căn hộ; trường hợp nhà ở được xây dựng theo dự án thì phải ghi đúng tên dự án đầu tư xây dựng nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định này.

b) Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các địa điểm, vị trí phải phát triển nhà ở theo dự án, quỹ đất phát triển nhà ở xã hội phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong từng giai đoạn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh, bổ sung Quy định để phù hợp với điều kiện thực tế trong trường hợp cần thiết.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện thẩm định, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, phê duyệt các trình tự, thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ trì phối hợp Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan cân đối nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công cho các dự án nhà ở theo chủ trương đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phối hợp cung cấp hồ sơ, tài liệu có thông tin về nhà ở cho cơ quan quản lý nhà ở theo Quy định này.

4. Công an tỉnh: Nghiên cứu, tham gia góp ý, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các biện pháp bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo các nội dung quy định tại điểm e và điểm g khoản 1, Điều 16 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ số 55/2024/QH15 khi quy hoạch các dự án nhà ở nhiều tầng, nhiều căn hộ của cá nhân để cho thuê, dự án phát triển nhà ở xã hội.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện của Quy định này.

6. Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp và đúng quy định của pháp luật./.